ĐẢNG BỘ TỈNH ĐẮK LẮK
ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
*
Số 116 -KH/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 11 năm 2026

KẾ HOẠCH

thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động số 35-CTr/TU, ngày 15/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường các giải pháp giảm nghèo bền vững, hỗ trợ các xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về *"Tăng cường các giải pháp giảm nghèo bền vững, hỗ trợ các xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030" (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 14-NQ/TU)* và Chương trình hành động số 35-CTr/TU, ngày 15/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU *(sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 35-CTr/TU)*, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt sâu sắc, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ UBND tỉnh đối với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 14-NQ/TU và Chương trình hành động số 35-CTr/TU; xác định giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của Nhân dân gắn với hỗ trợ các xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên.

- UBND tỉnh cụ thể hóa Nghị quyết số 14-NQ/TU và Chương trình hành động số 35-CTr/TU thành kế hoạch triển khai thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch hằng năm; tập trung huy động các nguồn lực, phát huy vai trò chủ thể, ý chí tự lực của người dân cùng sự đồng hành của toàn xã hội nhằm đưa 51 xã, 449 thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn vào năm 2030; bảo đảm kết quả giảm nghèo thực chất, bền vững, cải thiện toàn diện đời sống Nhân dân.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong Đảng bộ UBND tỉnh tham gia hưởng ứng Cuộc vận động *"Thay đổi nếp nghĩ, cách làm, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo bền vững"* và Phong trào *"Cán bộ, đảng viên, Nhân dân nhận đỡ đầu hộ nghèo"*.

2. Yêu cầu

- Bám sát Nghị quyết số 14-NQ/TU và Chương trình hành động số 35-CTr/TU để cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện với phương châm *"6 rõ, 1 xuyên suốt"*; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tuyệt đối không đùn đẩy trách nhiệm. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ vướng mắc; tổ chức đánh giá *(sơ kết năm 2028, tổng kết năm 2030)* dựa trên mức độ cải thiện thực chất đời sống Nhân dân, kiên quyết không chạy theo thành tích.

- Quá trình triển khai phải lấy người dân làm trung tâm, khơi dậy khát vọng vươn lên, khắc phục triệt để tư tưởng trông chờ, ỷ lại. Việc bố trí nguồn lực phải có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên địa bàn khó khăn nhất; gắn đầu tư hạ tầng với sinh kế; thực hiện hiệu quả phương châm *"Nhà nước và Nhân dân cùng làm"* trên nguyên tắc tự nguyện, công khai và tuyệt đối không huy động quá sức dân, không gây áp lực đóng góp đối với các hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn.

- Lấy kết quả thực hiện mục tiêu của Nghị quyết làm một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, đưa 51 xã, 449 thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn theo quy định; giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế và đời sống Nhân dân; từng bước giải quyết các nhu cầu thiết yếu về nhà ở, đất ở, đất sản xuất; nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các địa bàn. Củng cố hệ thống chính trị cơ sở, phát huy năng lực tự phát triển của người dân, giữ vững quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Đẩy mạnh giảm nghèo, phát triển sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập; ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn.

2.2. Tập trung nguồn lực hoàn thành các tiêu chí còn thiếu của 51 xã, 449 thôn, buôn đặc biệt khó khăn, ưu tiên các tiêu chí tác động trực tiếp đến đời sống, sản xuất và khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Đến năm 2030, hoàn thành các tiêu chí theo quy định, làm cơ sở đưa toàn bộ 51 xã, 449 thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn. Cụ thể:

(1) Có 42 xã và 303 thôn, buôn hoàn thành tiêu chí về tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện, đạt 100%.

(2) Có 07 xã hoàn thành tiêu chí về đường giao thông xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; 292 thôn, buôn hoàn thành tiêu chí về đường giao thông thôn, liên thôn được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

(3) Có 03 xã hoàn thành tiêu chí về y tế xã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu.

(4) Có 18 xã hoàn thành tiêu chí về tỷ lệ trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định, nâng cao điều kiện cơ sở vật chất trường, lớp học, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

(5) Có 23 xã hoàn thành tiêu chí về nhà ở nội trú, đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho học sinh, góp phần duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng giáo dục.

(6) Có 33 xã hoàn thành tiêu chí về Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đạt chuẩn theo quy định, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của Nhân dân.

(7) Có 16 xã hoàn thành tiêu chí về tỷ lệ thôn có dịch vụ truy nhập internet di động hoặc internet băng rộng cố định đạt 100%, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin và dịch vụ số của người dân.

(8) Có 16 xã hoàn thành tiêu chí về hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.

2.3. Cơ bản giải quyết nhu cầu về nhà ở, đất ở, đất sản xuất và các nhu cầu thiết yếu khác theo quy định, phù hợp điều kiện và khả năng nguồn lực.

2.4. Nâng cao năng lực hệ thống chính trị cơ sở, phát huy vai trò chủ thể của người dân; bảo đảm kết quả giảm nghèo và kết quả ra khỏi diện đặc biệt khó khăn được duy trì ổn định, bền vững sau năm 2030.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 14-NQ/TU và Chương trình hành động số 35-CTr/TU

Tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 14-NQ/TU, Chương trình hành động số 35-CTr/TU và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động; tuyên truyền, lan tỏa rộng rãi về Cuộc vận động *"Thay đổi nếp nghĩ, cách làm, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo bền vững"*, nhất là các mô hình mẫu, gương điển hình, cách làm hiệu quả tại các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì tham mưu: Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy.

- Cơ quan thực hiện: Cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Tổ chức quán triệt, tuyên truyền theo Hướng dẫn số 22-HD/ĐU, ngày 19/8/2026 của Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh về *"nghiên cứu, học tập, quán triệt và tuyên truyền các văn bản của Trung ương và của Tỉnh ủy"*; các nội dung khác thực hiện thường xuyên.

2. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện

- Các cấp ủy, tổ chức đảng xác định thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động là nhiệm vụ chính trị trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030; đưa mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Tăng cường kiểm tra, giám sát, định kỳ đánh giá tiến độ, kết quả; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu theo lộ trình.

- Đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành theo phương châm *"6 rõ, 1 xuyên suốt"*; phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình. Xác định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là người đứng đầu, đối với kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương, bảo đảm thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện từ tỉnh đến cơ sở. Theo dõi, cập nhật, đánh giá kết quả theo từng năm, từng địa bàn; lấy kết quả hoàn thành tiêu chí, giảm nghèo, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh; cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3. Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động; phát huy ý chí tự lực, vai trò chủ thể của người dân

- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động theo hướng thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán và ngôn ngữ của từng dân tộc; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, chú trọng trực quan, đối thoại, tuyên truyền bằng tiếng dân tộc phù hợp; lấy người thật, việc thật, mô hình hiệu quả, hộ gia đình vươn lên thoát nghèo bền vững làm điển hình. Phát động và tổ chức thực hiện Cuộc

vận động *"Thay đổi nếp nghĩ, cách làm, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo bền vững"* gắn với từng địa bàn, nhóm đối tượng và nhiệm vụ giảm nghèo.

- Phát huy vai trò của già làng, trưởng thôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, cán bộ cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động Nhân dân chủ động phát triển sản xuất, sử dụng hiệu quả đất đai, vốn và các nguồn lực được hỗ trợ; từng bước thay đổi tập quán sản xuất còn hạn chế, nâng cao ý thức tự lực, tự chủ và trách nhiệm vươn lên.

- Xây dựng, lựa chọn và nhân rộng các mô hình sinh kế hiệu quả, phù hợp với điều kiện từng địa bàn; tổ chức tham quan, trao đổi, học tập kinh nghiệm giữa các hộ dân, thôn, buôn, xã. Tăng cường hướng dẫn trực tiếp về kỹ thuật sản xuất, quản lý kinh tế hộ gia đình, sử dụng vốn, lựa chọn sinh kế, đào tạo nghề, kết nối việc làm và tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện đầy đủ dân chủ ở cơ sở, bảo đảm người dân được biết, tham gia, kiểm tra, giám sát và thụ hưởng; tạo điều kiện để người dân tham gia xác định nhu cầu, lựa chọn nội dung hỗ trợ, tổ chức thực hiện và giám sát các chương trình, dự án. Gắn trách nhiệm, quyền lợi của người dân với kết quả thực hiện; từng bước hình thành phương thức sản xuất chủ động, hiệu quả, phù hợp điều kiện thực tế.

- Gắn công tác tuyên truyền, vận động và giảm nghèo với củng cố hệ thống chính trị cơ sở, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong duy trì kết quả sau khi xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, không để tái nghèo và từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt.

- Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh; cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững

- Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng địa bàn; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên, thị trường và yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển vùng sản xuất hàng hóa, vùng nguyên liệu gắn với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm; nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản xuất.

- Tập trung hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn phát triển sinh kế, đa dạng hóa nguồn thu nhập; hỗ trợ tiếp cận tín dụng, khoa học kỹ thuật, giống, vật tư sản xuất theo quy định, phù hợp với nhu cầu thực tế. Đẩy mạnh đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm, phát triển ngành

nghề nông thôn; tạo việc làm tại chỗ và ngoài địa phương phù hợp với khả năng của người lao động.

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác; tăng cường liên kết giữa người dân với doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Ưu tiên địa bàn có vùng nguyên liệu, sản phẩm đặc trưng và khả năng liên kết; lựa chọn, nhân rộng các mô hình phù hợp, tạo đầu ra ổn định, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Phát triển sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường; kết hợp phát triển sản xuất với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, phát triển ngành nghề nông thôn và các loại hình du lịch phù hợp.

- Thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo trên phạm vi toàn tỉnh; rà soát, phân loại nguyên nhân nghèo, nhu cầu và điều kiện thực tế của từng nhóm hộ, từng địa bàn để xác định nội dung hỗ trợ phù hợp. Ưu tiên các giải pháp phát triển sinh kế, đào tạo nghề, tạo việc làm và nâng cao thu nhập; thực hiện đúng đối tượng, đúng quy định, hạn chế tái nghèo và phát sinh hộ nghèo mới. Gắn kết quả giảm nghèo với việc hoàn thành các tiêu chí đưa xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn.

- Đẩy mạnh phong trào hộ khá giúp hộ nghèo, cộng đồng giúp nhau cùng phát triển; phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, hỗ trợ nhau phát triển sản xuất và giảm nghèo bền vững.

- Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh; cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng, giải quyết nhu cầu thiết yếu; thực hiện *"Nhà nước và Nhân dân cùng làm"*

- Tập trung hoàn thành các tiêu chí còn thiếu của 51 xã, 449 thôn, buôn đặc biệt khó khăn; rà soát nhu cầu thực tế của từng địa bàn để xác định nhiệm vụ, công trình và thứ tự ưu tiên đầu tư. Đến năm 2030, hoàn thành tiêu chí về tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện theo quy định đối với 42 xã và 303 thôn, buôn; đường giao thông xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đối với 07 xã và đường giao thông thôn, liên thôn đối với 292 thôn, buôn; y tế xã đạt chuẩn đối với 03 xã; tỷ lệ trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với 18 xã; nhà ở nội trú đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho học sinh đối với 23 xã; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đạt chuẩn đối với 33 xã; tỷ lệ thôn, buôn có dịch vụ truy nhập internet di động hoặc internet băng rộng cố định đạt 100% đối với 16 xã; tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với 16 xã. Đồng thời, ưu tiên đầu

tư thủy lợi và các công trình phục vụ sản xuất, đời sống phù hợp với nhu cầu thực tế, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết.

- Cụ thể hóa danh sách địa bàn, danh mục công trình, dự án, thứ tự ưu tiên và lộ trình hoàn thành trong kế hoạch triển khai giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm; bảo đảm đúng quy định, phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn lực. Ưu tiên địa bàn khó khăn nhất, còn nhiều tiêu chí chưa đạt và công trình có khả năng hoàn thành theo từng giai đoạn; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, tránh dàn trải, manh mún.

- Đối với giao thông, ưu tiên các tuyến phục vụ đi lại, vận chuyển sản phẩm, kết nối khu dân cư với trường học, cơ sở y tế và vùng sản xuất. Đối với điện, nước sinh hoạt, ưu tiên khu dân cư chưa được tiếp cận hoặc điều kiện cung cấp chưa đáp ứng tiêu chí. Đối với giáo dục, y tế, văn hóa và thông tin, tập trung khắc phục thiếu hụt về cơ sở vật chất và khả năng cung cấp dịch vụ. Kết hợp đầu tư xây dựng mới với sửa chữa, nâng cấp, khai thác hiệu quả cơ sở hiện có; xác định rõ trách nhiệm quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư.

- Rà soát nhu cầu nhà ở, đất ở, đất sản xuất theo từng xã, thôn, buôn và từng hộ đồng bào dân tộc thiểu số; tập trung giải quyết theo quy định và khả năng nguồn lực, ưu tiên hộ nghèo, hộ có nhà ở tạm, dột nát, hộ thiếu đất ở, đất sản xuất có nhu cầu thực tế. Gắn bố trí đất với ổn định dân cư, phát triển sinh kế, tạo việc làm và giảm nghèo bền vững; bảo đảm đúng đối tượng, đúng quy hoạch, trình tự, thủ tục, hạn chế phát sinh chồng lấn, tranh chấp, sử dụng đất sai mục đích.

- Đối với công trình quy mô nhỏ, thiết thực, thực hiện phương châm *"Nhà nước và Nhân dân cùng làm"* trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với điều kiện từng địa bàn, từng hộ. Cụ thể hóa nội dung hỗ trợ, mức đóng góp và trách nhiệm của các bên trong kế hoạch triển khai theo quy định; bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch, không tạo gánh nặng đối với hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn.

- Phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong vận động, tổ chức thực hiện và giám sát; bảo đảm người dân được bàn bạc, tham gia lựa chọn công trình, tổ chức thực hiện và giám sát theo quy định.

- Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh; cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030, hoàn thành các tiêu chí theo quy định đến năm 2030.

6. Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát huy cơ chế kết nghĩa, đỡ đầu

- Tập trung huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác; đồng thời huy động nguồn lực xã hội từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng. Phân bổ, sử dụng nguồn lực bám sát mục tiêu, tiêu chí và lộ trình đưa từng xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn; ưu tiên các nhiệm vụ trực tiếp tăng thu nhập, giảm nghèo, giải quyết nhà ở, đất ở, đất sản xuất và hoàn thiện hạ tầng thiết yếu.

- Phát huy cơ chế kết nghĩa, đỡ đầu, hỗ trợ có địa chỉ giữa các xã, phường có điều kiện phát triển với xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn; giữa cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân với địa bàn, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn; khuyến khích tinh thần *"người giàu hỗ trợ người nghèo, người có điều kiện giúp người còn khó khăn"*. Phấn đấu mỗi xã đặc biệt khó khăn có ít nhất 01 đến 02 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp kết nghĩa, đỡ đầu. Việc hỗ trợ căn cứ nhu cầu thực tế, gắn với nhiệm vụ, thời hạn và kết quả cụ thể; ưu tiên sinh kế, nhà ở, giáo dục, đào tạo nghề, tạo việc làm, chuyển giao kỹ thuật và công trình thiết yếu.

- Hưởng ứng Phong trào *"Cán bộ, đảng viên, Nhân dân nhận đỡ đầu hộ nghèo"*; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động, kết nối và giám sát nguồn lực xã hội; nhân rộng tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, giúp nhau giảm nghèo trong cộng đồng. Cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng lãnh đạo cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động tham gia kết nghĩa, đỡ đầu, hỗ trợ có địa chỉ các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn phù hợp với nhu cầu thực tế và điều kiện của cơ quan, đơn vị.

- Bảo đảm các nguồn lực được huy động, quản lý, phân bổ và sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không trùng lặp, chồng chéo. Mỗi chương trình, hoạt động hỗ trợ xác định rõ địa bàn, đối tượng, nội dung, thời hạn và kết quả; theo dõi, đánh giá hiệu quả, kịp thời điều chỉnh hình thức hỗ trợ phù hợp. Tập trung nguồn lực giải quyết dứt điểm từng tiêu chí, nhóm hộ, công trình; tạo chuyển biến thực chất, góp phần duy trì kết quả và phát triển bền vững sau khi xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn.

- Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh; cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7. Huy động, bố trí và sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình hành động số 35-CTr/TU

- Tổng nhu cầu nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến khoảng 17.000 tỷ đồng; trong đó, đối với 51 xã khoảng 13.600 tỷ đồng, đối với 449 thôn, buôn khoảng 3.400 tỷ đồng. Dự kiến huy động khoảng 8.500 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước (50%) và 8.500 tỷ đồng từ các nguồn ngoài ngân sách (50%). Đây là khái toán định hướng cho cả giai đoạn; việc bố trí cụ thể phải thực hiện đúng quy định, căn cứ nhu cầu thực tế, khả năng cân đối, huy động nguồn lực và quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Chủ động huy động, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án có liên quan; cân đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp từ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tín dụng, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư theo quy định. Việc vận động đóng góp của người dân phải bảo đảm tự nguyện, phù hợp với khả năng và điều kiện thực tế.

- Bố trí nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, trên cơ sở nhu cầu thực tế, mức độ thiếu hụt tiêu chí và lộ trình hoàn thành của từng địa bàn. Ưu tiên các nhu cầu cấp thiết, hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ sinh kế và các tiêu chí có tính quyết định đối với việc đưa xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn. Bảo đảm thống nhất trong tổng thể kế hoạch đầu tư công trung hạn, dự toán ngân sách hằng năm và các chương trình, dự án có liên quan. Việc phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn lực phải đúng thẩm quyền, đúng quy định, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp, chồng chéo.

- Tập trung rà soát, cụ thể hóa nhu cầu, cơ cấu nguồn lực, danh mục nhiệm vụ, dự án và lộ trình thực hiện đối với từng xã, thôn, buôn trong kế hoạch triển khai Chương trình và kế hoạch hằng năm; bảo đảm phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế và khả năng cân đối, huy động nguồn lực. Phân định rõ nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư công, kinh phí chi thường xuyên và các nguồn lực khác; thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục về đầu tư, ngân sách và các quy định có liên quan; quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, bảo đảm tính khả thi và tiến độ thực hiện. Thực trạng, chỉ tiêu và lộ trình dự kiến thực hiện đối với các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn và hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất được tổng hợp tại các Phụ lục I đến VI ban hành kèm theo Chương trình hành động số 35-CTr/TU, làm cơ sở rà soát, cụ thể hóa nhiệm vụ và bố trí nguồn lực trong kế hoạch triển khai thực hiện.

- Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh; cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch triển khai giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch hằng năm.

8. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện

- Đưa nội dung thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU và Chương trình hành động số 35-CTr/TU vào chương trình kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng; phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động; chú trọng trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Tập trung kiểm tra, giám sát kết quả, hiệu quả sử dụng nguồn lực và tiến độ hoàn thành mục tiêu; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 14-NQ/TU, Chương trình hành động số 35-CTr/TU và Kế hoạch này; căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cụ thể hóa các nội dung có liên quan vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm để tổ chức thực hiện; lãnh đạo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động hưởng ứng Phong trào *"Cán bộ, đảng viên, Nhân dân nhận đỡ đầu hộ nghèo"* và Cuộc vận động *"Thay đổi nếp nghĩ, cách làm, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo bền vững"*; thường xuyên lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Đảng ủy *(qua Văn phòng Đảng ủy)*.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh

- Xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU và Chương trình hành động số 35-CTr/TU trong giai đoạn 2026 - 2030, **hoàn thành trước ngày 05/11/2026**; xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm. Cụ thể hóa nhiệm vụ, lộ trình, danh sách địa bàn, công trình, dự án và nguồn lực thực hiện; phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ, kết quả đầu ra và trách nhiệm theo phương châm *"6 rõ", "1 xuyên suốt"*; bảo đảm bám sát mục tiêu của Nghị quyết, đúng quy định, phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn lực.

- Xây dựng phụ lục theo dõi tiến độ thực hiện, trong đó xác định rõ hồ sơ, nhiệm vụ của từng xã, thôn, buôn; thời hạn hoàn thành từng tiêu chí; cơ quan, đơn vị và cá nhân chịu trách nhiệm đối với từng nhiệm vụ.

- Chỉ đạo rà soát, lồng ghép các chương trình, dự án, nguồn vốn; bảo đảm nguồn lực đầu tư công trung hạn và nguồn chi thường xuyên được bố trí phù hợp; xác định rõ nguồn vốn Trung ương, ngân sách địa phương, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác theo từng nhiệm vụ, từng địa bàn, từng năm.

- Chỉ đạo xây dựng cơ chế thực hiện *"Nhà nước và Nhân dân cùng làm"*; xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương; cơ chế đóng góp, tỷ lệ đối ứng hoặc mức đóng góp phù hợp từng loại công trình; bảo đảm công khai, dân chủ, tự nguyện, phù hợp với khả năng của người dân, không tạo gánh nặng cho hộ nghèo.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực theo thẩm quyền và báo cáo, đề xuất xử lý những vấn đề vượt thẩm quyền. Chỉ đạo UBND các xã thuộc phạm vi Chương trình hành động số 35-CTr/TU tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, tiêu chí trên địa bàn theo phân công.

- Chủ trì theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện định kỳ 06 tháng, hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu gửi Ban Thường vụ Đảng ủy *(qua Văn phòng Đảng ủy)* để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định; tham mưu sơ kết giữa kỳ vào năm 2028, tổng kết vào năm 2030. Chú trọng đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực, mức độ cải thiện đời sống Nhân dân và khả năng duy trì kết quả; đề xuất biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả.

3. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU, Chương trình hành động số 35-CTr/TU và Kế hoạch này; phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy trong kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động; kịp thời phát hiện, tham mưu xử lý những khó khăn, vướng mắc, vi phạm (nếu có), báo cáo Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy

Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết số 14-NQ/TU, Chương trình hành động số 35-CTr/TU và Kế hoạch này trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động; tuyên truyền, lan tỏa Cuộc vận động *"Thay đổi nếp nghĩ, cách làm, phát huy nội lực vươn lên thoát*

nghèo bền vững", Phong trào *"Cán bộ, đảng viên, Nhân dân nhận đỡ đầu hộ nghèo"*, các mô hình mẫu, gương điển hình, cách làm hiệu quả; phối hợp với Văn phòng Đảng ủy theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện tại các cơ quan, đơn vị.

5. Văn phòng Đảng ủy

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU, Chương trình hành động số 35-CTr/TU và Kế hoạch này; tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy *(báo cáo)*;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy *(báo cáo)*;
- Thường trực Đảng ủy *(báo cáo)*;
- Ủy ban nhân dân tỉnh *(thực hiện)*;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy *(thực hiện)*;
- Cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng *(thực hiện)*;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy (BTGDV - Đ.H 05b).

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
ĐẢNG BỘ TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Hữu Việt